

# Chủ Nghĩa Nhân Vị: Con Đường Mới, Con Đường của Tiến Bộ

Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn

Cước chú: các câu văn, chữ tô đen đậm là của chính tác giả. Còn các màu khác là của người đánh máy lại từ sách

Ông Ngô Đình Diệm đã đi vào lịch sử Việt Nam với tư cách là vị Tổng Thống dân cử đầu tiên của đệ Nhất Cộng Hòa. Một nhà lãnh đạo với một viễn kiến rõ rệt và độc đáo về một mô hình phát triển xã hội Việt Nam thời hậu thuộc địa. Trong một bài điểm sách, Giáo Sư Sử Gia Edward Miller viết:

*“Ngô Đình Diệm là mộ người có hoài bão. Với tư cách là người lãnh đạo Miền Nam từ 1954 đến 1963, Diệm mong muốn trở thành nhà lãnh đạo hàng đầu trong việc xây dựng chính quyền quốc gia, Ông cương quyết tìm ra một đường lối khác biệt với con đường mà Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam đang theo đuổi”*

(2003).

Và Sử Gia Henry Fairbanks đã tóm tắt sự thật lịch sử này bằng lời lẽ khách quan, trong một bài báo tựa đề “The Enigma of Ngô Đình Diệm”, được đăng trong tờ Commonweal, như sau:

*“Ông Diệm tìm kiếm và khôi phục những giá trị cổ truyền làm nền tảng cho giải pháp canh tân xứ sở trong khi đó những người khác lại đi tìm những học thuyết ngoại lai ... Dù sao đi nữa, Ông ta vẫn là một người có cái nhìn sâu sắc về tương lai. Cả thế giới này đều yêu mến các chiến sĩ dũng cảm và ai ai cũng phải nể trọng những kẻ đeo đuổi một lý tưởng cao cả nào đó. Ông Diệm ao ước thực hiện một nhà nước được xây dựng trên những giá trị cổ truyền tốt đẹp nhất của Á Châu và Tây Phương, những đặc điểm đúng đắn và khả thi nhất để phục vụ quyền lợi chung và tôn trọng nhân phẩm. Ông Diệm cho rằng Xã Hội Chủ Nghĩa và Tư Bản Chủ Nghĩa đều là những học thuyết cực đoan cần có một hình thức trung gian, một lực lượng đứng giữa, nhằm tổng hợp được những giá trị ưu tú nhất của cả hai để phục vụ cho lợi ích chung: công bằng với người này là tự do của kẻ khác, cũng như loại bỏ độc tài toàn chế và tinh thần vô trách nhiệm của Chủ Nghĩa Cá Nhân”*

(21-9-1962, tr 516)

Và trong buổi lễ nhậm chức Thủ Tướng vào tháng 7 năm 1954, với lời lẽ tràn đầy hy vọng Ông Ngô Đình Diệm đã long trọng xác nhận và trấn an dân chúng:

*“Dân tộc Việt Nam đã bị lạm dụng từ lâu, nay đang tìm lối đi, một đường lối chắc chắn dẫn họ đạt tới những lý tưởng nồng nhiệt khát khao từ lâu. Tôi cương quyết vạch đường lối ấy cho dân tộc, bất chấp mọi chông gai gain khổ”*

(1955, Q.I, tr11)

Viễn kiến ấy, đường lối ấy, chính là con đường Nhân Vị, là chủ thuyết chính trị khai sinh ra nên Cộng Hòa 1955-1963 tại Miền Nam Việt Nam và là kim chỉ nam hướng dẫn cuộc cách mạng quốc gia, phát triển đất nước. Tuy Chủ Thuyết Nhân Vị đã trực tiếp ảnh hưởng đến sự an nguy của hàng chục triệu người, nhưng mãi đến nay vẫn chưa được lịch sử đánh giá đúng mức vai trò của nó. Bài viết này sẽ dành riêng cho việc tìm hiểu về Chủ Nghĩa Nhân Vị như là một vấn đề lịch sử còn tồn đọng của thế kỷ vừa qua.

## I- Chủ Nghĩa Nhân Vị.

### A- Chủ Nghĩa Nhân Vị là gì?

Theo Hán Việt Tự Điển của Đào Duy Anh thì: NHÂN (\*\*) là *Người* và NHÂN (\*\*) còn có nghĩa là *lòng thương người, tình yêu* (tr.60); VỊ có nghĩa là *địa vị, hay chỗ đứng* (tr.547) Theo Hán Việt Tự Điển của Thiều Chửu thì NHÂN (\*\*) có nghĩa là *giống khôn nhất động vật* (tr.14) và NHÂN (\*\*) có nghĩa là *đạo lý làm người phải thế mới là người*. Còn có nghĩa là *yếu người không vì lợi riêng của mình thì mới gọi là NHÂN* (tr.5). VỊ (\*\*) là *người có cái vị trí của họ* (tr.20). Hai chữ này hợp lại để diễn tả ý tưởng: Vị trí, phẩm giá và trách nhiệm của con người trong cộng đồng nhân loại và trong vũ trụ.

Chữ NHÂN trong Khổng Học, ngoài ý nghĩa trên còn mang một bản chất siêu nhiên, “Nhân linh ư vạn vật”, nghĩa là con người linh thiêng hơn hết mọi loài và là nền tảng cho mọi sự trong vũ trụ. Con người khác với con vật ở chỗ biết suy tư, tức là có một đời sống tâm linh, lại còn có một đời sống vật chất biết hành động. Hai yếu tố tinh thần và vật chất đối nghịch này lại cùng tồn tại và phát triển như là một thực thể duy nhất. Đây là sự ghuyền diệu của bản chất con người. Ngoài ra giá trị con người còn nằm ở khả năng của ý chí có thể dung hòa được những mâu thuẫn nội tại và bên ngoài. Ví dụ, mâu thuẫn giữa ý chí và đam mê hay giữa thiện và ác. Ý chí và tình yêu đều mang bản chất tự nguyện. Muốn hành động xấu hay tốt, yêu hay ghét là hoàn toàn do ý chí tự nguyện của con người:

*“Cái việc vi nhân đó không phải nhờ cậy ai đâu: tính nhân trời phú cho mình, đức năng có sẵn trong lòng mình, bây giờ làm cho hết công việc nhân cũng chỉ bởi tự mình làm lấy, há phải ở người ngoài ru?”*

Nói một cách đơn giản, nếu những giá trị nhân bản và vị trí cao quý của con người này mà không được tác động, không có cơ hội hoặc môi trường thuận lợi để phát triển thì chúng chỉ là những giá trị, những ý niệm tĩnh (chết), là những lý thuyết suông, không giúp ích gì cho con người và xã hội. Cho nên Khổng Tử chủ trương muốn thành NHÂN (động) tức là đạt đến những giá trị và vị trí cao quý này, mỗi người phải lấy tu thân làm đầu: Tu thân – Tề gia – Trị quốc – Bình thiên hạ”.

Trong sách luận ngữ Khổng Tử dạy:

*"Trùng trị hết cái bệnh tư dục của mình là khắc kỷ, hồi phục được chân lý của Trời là phục lễ thể NHÂN [khắc kỷ phục lễ vi nhân] ... Hễ một mai khắc được kỷ, phục được lễ, công phu làm Nhân đã hoàn toàn, đức nhân ở trong mình đã thịnh vượng thời ảnh hưởng vì đức nhân mình mà truyền bá được rất xa, chắc thiên hạ qui hướng về cả thầy" [nhất nhật khắc kỷ phục lễ thiên hạ quy nhân yên]*  
(P.B. Châu, tr.35)

Những người đã dày công phu khắc được “kỷ” phục được “lễ” đều là những bậc chính nhân quân tử, đáng được suy tôn là “chí sĩ”, Khổng Tử nói:

*“Hễ gọi bằng người “sĩ” có “chí”, chẳng phải gì lạ đâu, cũng chỉ là người có đức nhân mà thôi. Làm trọn vẹn đức nhân mới là chí sĩ. Những bậc người ấy, một đời người từ thi chí chung, chỉ đặt cái chí mình lên trên chữ NHÂN: “Đời mình sống với nhân, đời mình chết cũng chết vì nhân; nếu chẳng may mà gặp lấy hoàn cảnh xấu, mà thân mình không thể sống được thời âu là giữ lấy chữ “nhân” cho trọn vẹn cái chí của mình, chứ không cầu sự sống mà vì nó làm hại đức nhân. Khi sự thế đảo đầu, phải xem “nhân” hơn sự sống, nên có lúc giết cái thân mình, để vì nó mà hoàn thành được đức nhân [Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân]”*

Hai anh em Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã sát nhập hai học thuyết NHÂN và VỊ này của Nho Giáo rồi hệ thống hóa các tư tưởng nhân bản này lại thành một chủ thuyết chính trị, lấy tên Chủ Nghĩa Nhân Vị. Trong ngày kỷ niệm sinh nhật của Đức Khổng Tử, Ông Ngô Đình Diệm đã long trọng một lần nữa xác nhận rằng NHÂN và VỊ chính là hai học thuyết của Nho Giáo (1958, Q. 4, tr.97). Và Ông còn lặp lại lời của Mạnh Tử:

*“Hãy sống (động) theo Nhân và hành động theo Nghĩa thì đó là một đời sống có ý nghĩa rồi” .*

Vì thế, cứ dựa vào Nhân nghĩa và địa Vị để mà hành động, chúng ta không còn phải lo sợ lỗi lầm gì nữa (1958, Q 4, tr.99).

Ông Ngô Đình Nhu đã đặt con người riêng rẽ vào trong cộng đồng của con người, khung cảnh xã hội của nó, để phát họa vai trò của cơ quan công quyền trong giải pháp Nhân Vị như sau:

*“Lý thuyết về một Xã Hội Nhân Vị gồm hai nguyên tắc căn bản:*

*\* Tôn trọng phẩm giá con người và thiết lập một hệ thống những quyền lợi chung của cộng đồng;*

*\* Giải pháp để giải quyết các vấn đề xã hội nằm ở chỗ thực hiện được tình trạng quân bình giữa những nhu cầu căn bản của cá nhân và quyền lợi của cộng đồng mà cá nhân ấy là một thành phần.”*

(1952, Lược Đồ Cải Tạo Xã Hội)

Tóm lại khi nói chủ Nghĩa Nhân Vị mang một ý nghĩa nhân bản phải hiểu nó bao gồm đầy đủ bản chất của con người (phần tĩnh [static] và ý chí (phần động [dynamic]) như vừa trình bày. Và quan niệm “cộng đồng Nhân Vị” diễn tả “một tập hợp những con người (\*\* viết chữ Nho) có đạo lý làm người của chữ NHÂN (\*\*), trong đó nguyên tắc thứ nhất chính là mặt tĩnh của Chủ Nghĩa Nhân Vị. Nguyên tắc thứ hai mới là phần động, phần tích

cực của Chủ Nghĩa Nhân Vị: Một chính quyền muốn phục vụ cho lợi ích căn bản của con người, có trách nhiệm tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để con người được tự do phát triển (tu thân) và phải thực hiện cho được tình trạng quân bình giữa các nhu cầu căn bản của cá nhân và cộng đồng. Ví dụ như hiến pháp qui định mọi người đều có quyền tự do căn bản nhưng chính quyền không làm gì để những quyền này được thực hiện, thì các quyền tự do căn bản này cũng chỉ là những ý niệm suông. Hiến pháp là tờ giấy nháp!

Phẩm giá của mỗi con người được thực sự tôn trọng một cách tự nguyện. Có thể nói cộng đồng nhân vị tương đương với “xã hội dân sự” (civil society), một quan niệm được các thuyết gia dân chủ học Tây Phương đem vào xử dụng hồi cuối Thế Kỷ Mười hai.

## **b- Căn bản Triết Học của Chủ Nghĩa Nhân Vị.**

Nền tảng triết học của Chủ Nghĩa Nhân Vị là các giá trị nhân bản của Nho Giáo. Khổng Học lúc đầu, chú trọng đến việc thiết lập một hệ thống luân lý thực tiễn cho các sinh hoạt xã hội hơn là đề xướng một triết học nhận thức hoặc tôn giáo. Mãi đến khi về già, Khổng Tử mới lấy Kinh Dịch làm căn bản triết học cho một đạo sống thực tiễn. Ông cho rằng cội rễ của vạn vật là do một thực tại tuyệt đối có những tánh chất như Đạo của Họ Lão. Thực tại tuyệt đối đó được mệnh danh là Thái Cực (the Absolute). Nhưng trong cái im-lìm và thuần nhất của Thái Cực, tự nó đã có chứa sẵn bên trong hai nguyên động lực tương sinh tương khắc gọi là Lưỡng Nghi: Đó là Âm (negative) và Dương (positive). Hai nguyên tắc Âm và Dương đó tương sinh tương khắc lẫn nhau để sinh ra Tứ Tượng (4 seasons) rồi cứ tiếp tục phân hóa như thế thành muôn vàn hiện tượng của vũ trụ này.

Đó là quan niệm của Nho Giáo về cách thức và lịch trình hiện tượng hóa (hay còn gọi là Dịch Hóa). Kinh Dịch đã dần dần kết tập sự chuyển hóa Âm Dương thành 64 quẻ, mỗi quẻ tượng trưng cho một trạng thái tương quan giữa TRỜI, ĐẤT VÀ NGƯỜI. Tương quan này biểu hiện sự hòa đồng Tiểu Ngã con người với Đại Ngã của vũ trụ hay còn gọi là lý tưởng THÁI HÒA (vừa tĩnh vừa động). Cho nên Khổng Học đưa ra thuyết “*Thiên, Nhân tương dưỡng*” (Trời, Người, như nhau) làm quan niệm căn bản.

Đến đầu thế kỷ 20 thì lý tưởng hòa đồng giữa con người với vũ trụ của Nho Giáo đã được Triết Gia Kim Định hệ thống hóa trong học thuyết Tam Tài của Việt Nho (khác với Hán Nho), xác định rõ giá trị và vị trí của con người. Vũ trụ quan (cosmology) của Việt Nho cho rằng trong vũ trụ này có ba quyền lực lớn, có giá trị ngang nhau và cùng tồn tại với nhau. Vì thế Việt Nho coi con người là tiểu vũ trụ, là nơi hội tụ của trời và đất. “VỊ” của con người là đứng giữa và ngang hàng với Trời và Đất. Vị trí này theo Cấu Trúc Luận của An Vị là vị trí THÁI HÒA, Thái hòa giữa tinh thần và vật chất, giữa tình và lý, giữa hơn và kém, giữa đúng và sai, giữa quyền lợi cá nhân và cộng đồng, tức là giữa 2 đối cực. Ở vào vị trí này con người đã đạt đến một tình trạng quân bình động, một tình trạng thuộc về tâm linh. **Nhưng muốn đạt đến tình trạng Thái Hòa, bản thân mỗi người phải qua một tiến trình tu thân bền bỉ.** Những người này đã khắc được kỷ phục được lễ, đã làm trọn vẹn đức NHÂN và Khổng Tử gọi họ là “chí sĩ”. Vì thế lý tưởng hòa đồng hay thái hòa của Việt Nho được Triết Lý An Vị xếp vào bậc cao nhất trong sự trình tâm thức con người.

Tóm lại những giá trị nhân bản dùng làm căn bản xây dựng Chủ Nghĩa Nhân Vị đều có một cơ sở triết học vững chắc. Ngoài ra Chủ Nghĩa Nhân Vị khi được hướng dẫn bởi lý tưởng Thái Hòa, một sự kiện tâm linh (heart-spirit) bao gồm hết các giai đoạn phát triển nên mang tính toàn thể và thực dụng. Thực dụng vì nó bao gồm cả lý và tình, nên Chủ Nghĩa Nhân Vị là một chủ nghĩa hành động.

## **II Chủ Nghĩa Nhân Vị và vấn đề Dân Chủ Hóa Việt Nam .**

### **a- Chủ Nghĩa Nhân Vị và các mô hình dân chủ cổ điển hay đại nghị Tây Phương và dân chủ tập trung của Cộng Sản.**

Chủ Nghĩa Nhân Vị cho rằng **dân chủ của Cộng Sản độc tài chà đạp phẩm giá con người, coi người như con vật.** Chủ Nghĩa Nhân Vị cũng bác bỏ loại dân chủ muốn đặt tư bản phong kiến trên tầng lớp cần lao, và chủ trương chế độ thực dân để bóc lột những dân tộc nhược tiểu. (1955, Q.2, tr.104).

Theo Ông Diệm:

“Dân Chủ không thể đóng khung trong một số công thức và định lệ được đặt ra ở những thời đại khác, dưới những bầu trời khác. Nhiều quốc gia đã có lâu đời ở Tây Phương, phong phú về mọi phương diện, cũng đã phải cải cách cơ cấu của chế độ dân chủ đại nghị mà họ đã áp dụng từ trước. Có nhiều nước mới dành độc lập chỉ vì vội vã chấp nhận những chế độ dân chủ đó mà bây giờ rơi vào tình trạng bế tắc hỗn loạn.  
(1950, Q.5)

Khi trả lời phóng viên báo *Malaya Mail* về vấn đề dân chủ hóa Việt Nam, Ông Diệm lập luận rằng:

“Một mô thức dân chủ nào đó không thành vấn đề tại nước kém mở mang. Điều đáng quan tâm là sự dung hòa những phương pháp dân chủ ấy với những đòi hỏi cấp bách để có thể nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng kém mở mang, nghĩa là sự ngu dốt, nạn đói kém, tật bệnh, ngoại xâm và nỗi nhục nhã do tất cả những nạn đó gây ra. Nếu muốn thoát khỏi điều kiện thấp kém đó một cách mau lẹ chứ không phải trong hàng thế kỷ, ta nhất định **phải theo một lộ trình cường bách nào đó**. Vấn đề dân chủ nằm ngay ở điểm phải **đặt giới hạn cho lộ trình cường bách đó**”  
(19-2-1960)

Theo Ông Ngô Đình Diệm, các mô hình về dân chủ chẳng qua chỉ là hình thức, là lý thuyết suông (duy lý niệm), sẽ không có thực dụng. Cần phải dung hòa chúng với thực tại và một biện pháp hoặc kỹ luật tinh thần (yêu chuộng công ích chẳng hạn) đi kèm theo thì mới có thực nghiệm. Hay nói theo An Vị các lý thuyết này khởi đi từ “Ý” (ý niệm) nên chỉ đến “TỬ” (lời nói suông) và không đạt tới “DỤNG” (thực hành) được.

## b- Dân Chủ thực sự

Ông Diệm chủ trương Dân Chủ Nhân Vị là một tình trạng tinh thần, một lối sống mà lối sống ấy con người thật sự biết **tin trọng nhân phẩm của chính mình và của người khác**. Quan niệm này nhấn mạnh đến hai yếu tố:

(a). đặc tính văn hóa cổ truyền của dân tộc (1959, Q.5) và (b) yếu tố con người: tinh thần sống đạo đức (phần động) phải có, của tầng lớp lãnh đạo cũng như các tầng lớp dân chúng. Ông nói:

“**Dân Chủ là một chế độ đạo đức chỉ phát triển nếu *quan niệm Thiện Ích Chung* mỗi ngày ăn sâu rộng trong Nhân Dân và Chánh quyền**”  
(1957, Q.3, tr.12).

Và đạo đức mà Ông Diệm nói ở đây chính là **tinh thần yêu chuộng công ích, trong danh dự và thể diện quốc gia, đức liêm khiết chính trực, mọi người cần phải rèn luyện thành tinh thần hy sinh, óc kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, sự nhã nhặn trong giao tế, tôn trọng người và tôn trọng cả chính mình**. Đó là những đức tính được gói trọn trong hai chữ **THÀNH** và **TÍN** của **Nho Giáo** và mang một bản chất tự nguyện. **phải tu thân mới có được**.

Đây chính là những nguyên tắc căn bản về nền dân chủ tương lai cho Việt Nam mà Ông Diệm đưa ra trước Quốc Hội ngày 5-10-1959, nhằm hướng dẫn việc soạn thảo Hiến Pháp. Tuy nhiên những giá trị tinh thần nói trên cũng khó mà xuất hiện khi con người còn đang phải nộ lệ miếng cơm manh áo.

Vì thế Chủ Nghĩa Nhân Vị đã đưa ra một **chiến lược dân chủ hóa, một tổng hợp các phương pháp dân chủ nhằm phù hợp với hoàn cảnh Nam Việt Nam, một xã hội hậu thuộc địa và trong tình trạng chuẩn bị chiến tranh với Cộng Sản miền Bắc**.

## c- Dân Chủ hóa từ dưới bùng lên.

Để thực hành lý thuyết Dân Chủ Nhân Vị, chính phủ của Ông Diệm đã phát động hai cuộc cách mạng cùng một lúc nhằm dung hòa (Thái Hòa) giữa lý thuyết và thực hành, giữa cá phương pháp dân chủ và điều kiện đặc biệt của xứ sở. Tuy nhiên, trong điểm chiến lược dân chủ hóa là từ dưới bùng lên.

**\*Cuộc cách mạng thứ nhất, xảy ra trên thượng tầng cấu trúc:**

Chuyển đổi chế độ quân chủ sang chế độ cộng hòa. Cuộc cách mạng không đổ máu này được phỏng theo các định chế của chế độ dân chủ đại nghị ở các nước tự do đàn anh. Bắt đầu là một cuộc trưng cầu dân ý (23-10-1955), trút phế cựu Hoàng Bảo Đại và tín nhiệm Ông Ngô Đình Diệm trong chức vụ Quốc Trưởng.

Sau đó một quốc hội lập hiến được bầu ra để soạn thảo Hiến Pháp. Hiến Pháp trù liệu bầu ra một tổng thống và quyền lực quốc gia cũng được phân phối theo **nguyên tắc phân quyền** giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp. Nhưng đặc biệt là theo tổng thống chế. Tổng thống được giao phó nhiều quyền lực nhằm mục đích thiết lập ra cái giới hạn cho một lộ trình cưỡng bách với mục đích dung hòa các lý thuyết dân chủ với thực trạng của đất nước lúc bấy giờ. Tuy nhiên tất cả chỉ là (dân chủ) hình thức, mang nặng phần lý thuyết và là “bước đầu để tiến tới công cuộc dân chủ hóa các guồng máy quốc gia”.

Để giải thích thêm về sự chọn lựa này, Ông Ngô Đình Diệm kể lể với Higgins:

*“Cô Higgins, Cô đã viếng thăm các làng quê Việt Nam . Cô cũng đã từng nhìn thấy những người Thượng cầm cây lao và với những phong tục tập quán đầy mê tín dị đoan. Những người Chăm. Những người Cao Đài. Những người Hòa Hảo. Những làng mạc còn trong tình trạng sơ khai, cai trị bởi Ông Bà Tổ Tiên, bởi những người đã chết – đây cũng là tình trạng ở hầu hết các nơi khác của Việt Nam . Cô nói cho tôi biết, cô Higgins, một nền dân chủ đại nghị có ý nghĩa gì đối với họ trong khi ngôn ngữ của họ chưa có ngôn từ để diễn tả từ ngữ chính trị này?”*  
(Tr.166)

Tình trạng thấp kém này buộc hính quyền dân chủ nhân vị phải đặt giới hạn cho một lộ trình cưỡng bách, giới hạn về cơ cấu (không phải về tinh thần dân chủ), để dung hòa những phương pháp dân chủ với tình trạng kém phát triển của đất nước. Để phục vụ con người của một xã hội lạc hậu, mô hình Dân Chủ Nhân Vị không thể đóng khung trong những mô thức dân chủ Tây Phương với một xã hội ổn định và có một đời sống vật chất cao. Ấy là chưa kể đến mô thức dân chủ tập trung của Cộng sản chà đạp nhân phẩm con người và dân chủ đại nghị Tây Phương lại đặt lợi ích tư bản trên tầng lớp cần lao. Ngoài ra đây là một sự chọn lựa cần thiết để xoa dịu những đòi hỏi phải thực hiện dân chủ đại nghị kiểu Tây Phương của trí thức cấp tiến cũng như của phe đối lập. Và bổ túc cho “dân chủ đại nghị hình thức” ở thượng tầng, Chủ Nghĩa Nhân Vị thực hiện một loạt dân chủ trực tiếp bằng một cuộc cách mạng dưới hạ tầng.

**\*\* Cuộc cách mạng thứ hai, xây dựng một nền dân chủ thực sự dưới hạ tầng cơ sở:**

Đó là **Quốc Sách Ấp Chiến Lược (ACL)** hay còn gọi là **cuộc cách mạng nông thôn**.

Một hệ thống **ACL, dinh điền, khu trừ mật**, với tinh thần dân chủ cổ truyền của làng xã tự trị Việt Nam đã được xây dựng trên khắp miền quê Việt Nam.

Đây không phải là cái mô hình ACL đã được xây dựng ở Mã Lai bởi Đại Úy Thompson, một sĩ quan trong quân đội Liên Hiệp Anh. ACL ở Mã Lai thuần túy là một định chế quân sự, nhằm tách rời Mã Cộng ra khỏi dân chúng để tiêu diệt.

Trái lại, ở Miền Nam Việt Nam, “Đề xướng Ấp Chiến Lược là để thành **một cuộc cách mạng chính trị, xã hội và quân sự, thích hợp cho nước kém mở mang** và nhằm chống 3 thức giặc *chậm tiến, chia rẽ và Cộng Sản*. ACL bảo đảm an ninh thôn xã và duy trì mối tương thân liên đới và tự túc. Một nền dân chủ pháp trị thực sự, cộng đồng đồng tiến, công bằng xã hội. ACL là cơ hội để luyện tập khổ hạnh cho tâm hồn thanh khiết, tự mình vượt quá mình. Mục đích của ACL là để **cứu vớt và giải phóng toàn diện con người đứng trước hiện tượng chậm tiến** của Á Phi. ACL nêu lên một chủ trương lớn lao, một cuộc cách mạng để hoàn thành.  
(1962, Q.8, tr. 118-119)

Chiến lược xây dựng Dân Chủ Nhân Vị bắt đầu từ hạ tầng cơ sở, ở nông thôn, nơi mà 95 phần trăm dân chúng sinh sống.

- Thứ nhất là vì dân chúng thành thị, các thành phần trí thức và quan chức trong guồng máy công quyền đã va chạm và bị ảnh hưởng sâu đậm bởi một lối sống văn minh vật chất, **công cuộc tái võ trang tinh thần cho họ cần thời gian**.
- Thứ hai, nếu xây dựng được tại nông thôn một vùng thịnh vượng với kinh tế sơ bản, **mỗi gia đình vô sản đều có được một nóc nhà và một miếng đất sinh hoa lợi đủ sống, tức là trang bị cho đại đa số dân chúng một bảo đảm thực sự cho tự do cá nhân và thói quen tham gia việc chung** (làm

quen với sinh hoạt dân chủ). Từ những định chế dân chủ căn bản, tự trị về tinh thần và vật chất ở hạ tầng cơ sở này, công cuộc dân chủ hóa trên thượng tầng cấu trúc sẽ dần dần xuất hiện.

### III – Chủ Nghĩa Nhân Vị và vấn đề phát triển Kinh Tế Xã Hội

Ngày 16 tháng 6 năm 1949, lúc còn ở ngoài chính quyền, Ông Diệm đã bắt đầu cổ võ cho một đường lối kinh tế Nhân Vị như là một giải pháp thích hợp để đem lại dân chủ tự do thực sự cho Việt Nam.

Ông nói:

*“... Điều quan trọng là mọi người cần hiểu rằng cuộc đấu tranh của chúng ta hiện nay không phải chỉ thuần túy là cuộc đấu tranh dành độc lập cho đất nước. Đây còn là cuộc cách mạng xã hội để đòi lại độc lập về kinh tế của các nông dân và người lao động. Tôi chủ trương những cuộc cải tổ tiên tiến và táo bạo về mặt xã hội, nhằm bảo toàn và tôn trọng phẩm giá của con người, nhằm vào một mục đích duy nhất là thấy được tất cả những người của một Việt Nam mới làm ăn sinh sống như là một con người thực sự tự do”.*

(Giáo Nam , 1-7-59, tr.3)

Vậy thế nào là độc lập về kinh tế?

Đó là phải **thâu hồi bằng được chủ quyền kinh tế từ các chủ nhân ngoại quốc**, bao gồm các khu vực nông nghiệp, thương mại, kỹ nghệ, giao thông vận tải, ngân hàng, v.v... Khi có được chủ quyền về kinh tế, mọi người mới có thể trực tiếp tham gia vào việc điều hành guồng máy kinh tế và mau chóng nâng cao mức sinh hoạt, sớm giải thoát họ khỏi nỗi tủi nhục khổ nghèo, khỏi kiếp làm thuê làm mướn, và cuối cùng, mới có thể đảm bảo phẩm giá của họ. Không có độc lập kinh tế cũng sẽ không bao giờ có dân chủ kinh tế thật sự, một nền dân chủ mà trong đó thợ với chủ có thể cộng tác chặt chẽ trên căn bản bình đẳng: bình đẳng không phải chỉ về phương diện luật pháp mà phải cả trong đời sống hàng ngày. Muốn như vậy phải tạo nên cả một hệ thống an ninh xã hội trong đó người dân ở bất cứ giai cấp nào, từ lúc lọt lòng cho đến khi nhắm mắt, đều được bảo vệ chống lại nạn đói rét, nạn thất nghiệp, nạn già yếu, nạn ốm đau, v.v... (1955, Q2, tr.160).

#### a- Các nguyên tắc của Kinh Tế và Xã Hội Nhân Vị.

Ông Diệm đã đưa ra một chương trình kinh tế nhằm hai mục tiêu:

- Thứ nhất là kiện toàn nền độc lập của nước nhà trong lãnh vực kinh tế.
- Thứ hai là canh tân nền kinh tế quốc gia để nâng cao mức sống của nhân dân. Đặt trên căn bản Thái Hòa, Nhân Vị chủ trương cuộc cách mạng kinh tế xã hội phải gồm ba điều kiện tiên quyết:

\* Dân phải được trực tiếp tham gia vào việc điều hành các hoạt động kinh tế.

\* Mục tiêu ưu tiên hàng đầu của chính sách kinh tế xã hội là phải bảo đảm mỗi người dân có được một mái nhà và sở hữu chủ các phương tiện sản xuất để làm ra của cải nuôi sống bản thân và gia đình mình.

Nhân Vị (cá nhân) và cộng đồng đồng tiến.

Những nguyên tắc này được chọn làm căn bản giải quyết xung đột cố hữu về quyền lợi giữa cá nhân và cộng đồng, vấn đề tái phân phối lợi tức quốc gia.

#### b- Kiện toàn nền độc lập về mặt kinh tế.

Theo Ông Ngô Đình Diệm thì các ngành hoạt động quan trọng như kỹ nghệ, thương mại, vận tải, bảo hiểm lúc bấy giờ, đều đang nằm trong tay người ngoại quốc. Vì thế, tuy nông nghiệp là căn bản của dân sinh, nhưng **nếu không nắm được chủ quyền về các ngành then chốt như kỹ nghệ, thương mại thì người nông dân sẽ là nạn nhân đầu tiên vì bị thiệt thòi.**

Trước ngày Ông về lập chính phủ, người nông dân Việt Nam chỉ được hưởng 12% trên tổng số tiền xuất cảng thóc gạo hằng năm. Số 88% được dùng để trả công, trả hoa hồng, hay trả lãi cho các ngân hàng, các công ty bảo hiểm, công ty xuất nhập cảng, các hãng vận tải, cá nhà máy gạo ... nghĩa là **những trung gian ngoại quốc sinh sống ở Việt Nam**. Dân Việt nam tuy làm việc đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn mà vẫn nghèo túng. Ngoài ra, mục đích tối hậu của những nhà đầu tư ngoại kiều này là lợi nhuận nên “khi vui thì vỗ tay vào” đến khi hoạn nạn thì họ rút ra và nền kinh tế của ta sẽ bị tê liệt.

Cuối cùng, dù cho chúng ta có giở giang siêng năng đến đâu thì cũng vẫn là kẻ làm thuê, đóng những vai trò phụ, làm tung gian đắc lực cho các hãng ngoại quốc. Ông tuyên bố:

*“Nay hoàn cảnh đã khác hẳn. Các bạn có thể trông cậy vào sự nâng đỡ triệt để của Chính Phủ Quốc Gia do tôi lãnh đạo, để khuyến khích trương công cuộc kinh doanh của chính các bạn”*  
(1955, Q.2, tr.154)

### **c- Kinh Tế Nhân Vị và các mô hình kinh tế chỉ huy và tư bản.**

Các nguyên tắc mà Nhân Vị theo đuổi, **phủ nhận những việc tiêu cực cả cả hai mô hình Kinh Tế Tư Bản Tự do và Kinh Tế Xã Hội Chỉ Huy**. Ví dụ như mức độ can thiệp của chính phủ vào guồng máy kinh tế chẳng hạn. Kinh tế chỉ huy và kinh tế tư bản đều tỏ ra cực đoan, **hoặc can thiệp tối đa hoặc không can thiệp gì cả**. Chính sách kinh tế Nhân Vị đặt **giới hạn mức độ can thiệp của chính phủ** vào guồng máy kinh tế quốc gia trong cuộc cách mạng kinh tế xã hội, tuy không theo đường lối kinh tế chỉ huy của cộng sản nhưng cũng chẳng theo đường lối kinh tế tự do của tư bản. Trong thực hành, chính phủ sẽ phải dung hòa (thái hòa) các ưu tiên phải thực hiện với hoàn cảnh phức tạp hiện tại của đất nước, cân bằng được đòi hỏi của cá nhân với quyền lợi của cộng đồng. Ông Ngô Đình Diệm giải thích:

*“Theo ý tôi, trong hiện tình của nước nhà, những thắc mắc về một mô hình kinh tế là quá nặng về phần lý thuyết và không mang một lợi ích thiết thực nào. Chánh phủ do tôi lãnh đạo chỉ có một mục đích duy nhất là: bảo vệ nền độc lập của giang sơn và tăng gia hạnh phúc của toàn thể dân chúng. Cái gì có lợi cho quốc gia dân tộc, thì nên làm. Trái lại, bất cứ cái gì có hại cho quốc gia dân tộc, thì phải bài trừ cho triệt để. Hiện nay nước ta bị tàn phá rất nhiều vì chiến tranh; vậy nhiệm vụ đầu tiên của chính phủ là kiến thiết lại đất nước, là xây đắp đường sá, tu sửa cầu cống sông ngòi. Hiện nay có một triệu dân di cư: vậy nhiệm vụ của chính phủ là tìm chỗ cho họ định cư, tìm việc cho họ. Các xí nghiệp ngoại quốc đang chuẩn bị rời khỏi Việt Nam. Chúng ta có nhiệm vụ phải hỗ trợ xây dựng những xí nghiệp Việt Nam thay vào đó. Nếu các doanh gia Việt nam chưa thể làm được thì chánh phủ sẽ phải đứng ra gánh vác”.*  
(Q.2, tr.157)

### **d- Canh tân Nông Nghiệp để nâng cao mức sống và tiến đến tự túc.**

Ý niệm “nâng cao mức sống” của Nhân Vị không phải chỉ bao gồm những nhu cầu sinh lý trực tiếp của con người như ăn mặc, nhà cửa, điện nước v.v..., mà còn bao gồm tất cả những sinh hoạt có những tính cách chế ngự khung cảnh địa lý, sửa đổi khung cảnh đó và biến nó thành một khung cảnh mới làm căn bản không những cho sự thỏa mãn nhu cầu vật chất của một số người xấu số mà cả các sinh hoạt trí thức và tinh thần của toàn thể xã hội và ở một mức độ cao hơn, đó là **ý niệm “Cải tạo căn bản vật chất của sinh hoạt xã hội”**.

Như vậy cải tổ xã hội về phương diện vật chất, đòi hỏi không những sự phân phát cho một số người nghèo và thiếu thốn một số vật dụng cần thiết cho đời sống của họ, mà cả một cuộc cách mạng kỹ thuật để tạo cho xã hội một khung cảnh vật chất hoàn toàn mới, rộng rãi hơn và mỹ lệ hơn. Cách mạng kỹ thuật này đòi hỏi một sự cải tổ rộng rãi của giáo dục, và đặc biệt là đem khoa học vào giáo dục, đem tinh thần khoa học vào giáo dục (như việc thiết lập các trường quốc gia Hành Chánh, trường Đại Học Khoa Học, Công Nghệ, trường Quốc Gia Nông Lâm Súc, Kỹ Thuật v.v... )

Đặc biệt trong lãnh vực **cải cách điền địa**, Chủ Nghĩa Nhân Vị đưa ra một **quan niệm mới về quyền tư hữu** để xác nhận địa vị ưu tiên của **sức cần lao**:

- tối thiểu mỗi người phải được làm chủ một mảnh ruộng đủ lớn với các phương tiện sản xuất để có thể làm ra của cải để nuôi sống mình và gia đình mình; đồng thời sở hữu một mảnh vườn một căn nhà.
- Khi phân phối lại đất đai để thực hiện chính sách về tư hữu này, chánh Phủ Nhân Vị được trao quyền lực để truất hữu và bồi thường các điền chủ có ruộng đất “có bay thẳng cánh”. Chánh Phủ đã

“Ban bố **luật cải cách điền địa** hợp lý công bằng và thích ứng với nhu cầu kỹ thuật. Trong những đạo luật cải cách ấy, Chánh Phủ không chủ trương tiêu hủy quyền tư hữu (như kinh tế chỉ huy đã làm) – vì quyền ấy là một **đảm bảo tự do căn bản của con người** – nhưng quyết định hạn chế triệt để những sự lạm dụng phát sinh ra do quan niệm cổ truyền quá ư rộng rãi về quyền tư hữu (như kinh tế tư bản chủ trương), và đồng thời tạo cho nông dân và gia đình họ những phương tiện sản xuất thuận lợi với những điều kiện vững chắc”.

(1955, Q.1, tr.31)

Ở đây, **khí công nhận quyền tư hữu của nông dân có nghĩa là chống lại chính sách vô sản hóa của nền kinh tế chỉ huy**; nhưng Chánh Phủ lại can thiệp bằng một đạo luật nhằm **giới hạn quyền tư hữu tuyệt đối của hệ thống kinh tế tư bản**, thường đem lại hậu quả người quá giàu và kẻ không có gì cả. Nguyên tắc công bình và nhân đạo chẳng hạn, được thể hiện trong những Đạo Dự án định mức tô xuất khoảng 15-25% trị giá huê lợi và khấu ước giữa tá-điền và điền chủ phải cải thành “khế-ước”. Hoặc trong một dự án trích cấp đất cho dân di cư, cựu chiến binh:

*“Những ruộng bỏ hoang trong mùa vừa qua sẽ được trích cấp, trong thời hạn 3 năm, cho các tá điền đã cày cấy những ruộng đất ấy, cho dân di cư, cho các cựu chiến binh và công dân đã bỏ mình vì nước. Những người được hưởng ruộng trích cấp, sẽ được miễn địa tô hoàn toàn trong năm đầu, một nửa trong năm thứ nhì và một phần tư trong năm thứ ba”*  
(Q.1, tr.31)

Ngoài ra, Chánh Phủ còn chủ trương **khuyến khích** nông dân tập hợp thành hợp Tác Xã Nông Nghiệp với mục đích trao đổi với nhau về chuyên môn để nâng cao kỹ thuật sản xuất và loại bỏ trung gian, tiếp thị những nông phẩm của chính họ. Rồi những gia đình của nông dân này cùng với hợp tác xã, hợp thành cộng đồng.

Cuối cùng 3 định chế này sẽ được tập hợp lại thành một đơn vị kinh tế xã hội mang bản chất tự cung, tự cầu. Ba định chế này sẽ là thể chân vạc để giúp xã hội này nở phát triển không ngừng về mọi mặt, tiến thành những Ấp Tự Trị lấy tên là Ấp Chiến Lược (ACL) Không những họ có thể tự trị về chính trị, kinh tế, xã hội, và ngay cả an ninh nữa. Các ACL này được xây dựng khắp nơi để thực hiện khẩu hiệu cá nhân và cộng đồng đồng tiến. Như vậy, khi hoàn thành được ACL ít ra hạ tầng cơ sở, đại đa số nông dân, công nhân đã có thể độc lập, dân chủ và tự do thực sự. Về miền quê Việt Nam sẽ có một bộ mặt mới, một xã hội tự do dân chủ ấm no hạnh phúc trong sự tôn trọng nhân phẩm, công bình và bác ái. Những giá trị nhân bản này chính là ý nghĩa đích thực của chữ NHÂN trong văn hóa Việt Nam. Mô hình chính trị làng xã cổ truyền là những giá trị dân chủ cổ truyền độc đáo của dân tộc Việt Nam.

Tóm lại, chủ thuyết Nhân Vị là một triết lý nhằm xác định và đề cao giá trị con người, vị trí của con người trong tương quan với vũ trụ, với người khác và trong cộng đồng xã hội. đồng thời là một chủ thuyết chính trị chủ trương thiết lập những định chế thích hợp để tạo cơ hội và khuyến khích việc phát triển các giá trị này đến mức cao rộng nhất và hướng về việc phục vụ hạnh phúc con người. Chủ Nghĩa Nhân Vị lấy “con người biết tu thân (thái hòa)” làm nền tảng cho giải pháp, để giải quyết cá mâu thuẫn trong sinh hoạt của con người. Khi Ông Diệm nói một đường lối mới, ý ông muốn nói đã lâu rồi những truyền thống tư tưởng tốt đẹp này của dân tộc không được đem ra để áp dụng vào các sinh hoạt quốc gia vì bị nô lệ Tàu, Tây và phong kiến, rồi lại bị ảnh hưởng bởi một tà thuyết duy vật ngoại lai.

#### IV- Phản ứng về Chủ Nghĩa Nhân Vị.

##### 1- Những phản ứng nghịch.

Ông Diệm từng than phiền với Ông Cao Xuân Vỹ, Thủ Lãnh của Phong Trào Thanh Niên Cộng Hòa rằng: *“Ngay cả đến Bộ Trưởng cũng không hiểu được Nhân Vị là gì thì làm sao mà chúng ta thực hiện được cuộc cách mạng quốc gia”* (17-3-95)

Ngoài ra Chủ Nghĩa Nhân Vị không được đưa vào thử nghiệm ngay trong thời chiến lại còn phải ganh đua với 2 chủ nghĩa lớn đương thời chia đôi thế giới, Cộng Sản và Tư Bản. Vì thế không những kẻ thù Cộng sản, mà ngay cả các đảng phái đối lập và đồng minh Hoa Kỳ, luôn tìm cách phá hoại, xuyên tạc làm trở ngại cuộc thử nghiệm của Chủ Thuyết.

- a- **Quốc Sách ACL đã bị kẻ thù Cộng sản tìm mọi cách đánh phá.** Việt Cộng xuyên tạc là “Ngụy quyền Sài Gòn đã ép buộc dân chúng bỏ mồ mả tổ tiên nhà cửa làng xã, ép buộc đi làm không công (corvée) xây ACL” và “ACL chính là những nhà tù không song sắt”. Người dân vì không hiểu ý nghĩa và những lợi ích thiết thực của việc xây dựng ACL nên những lời tuyên truyền này đã gây ảnh hưởng bất lợi cho việc thi hành quốc sách. Trong khi đó các phóng viên ngoại quốc như David Halberstam, Neil Sheeham, Stanley Karnow v.v... và cá nhân phần đối lập lại thường tung tin “Quốc Sách ACL là một thất bại, không được lòng dân”.



Nhưng, Ông Nhu đã có lần, rất tự hào, mô tả với Đại sứ Maneli của Ba Lan về vai trò quan trọng của hệ thống ACL trong công cuộc dân chủ hóa Việt Nam. Ông nói:

*“Người Mỹ cũng như Việt Cộng, cả hai đều lầm tưởng rằng ACL là những định chế quân sự và sẽ hủy bỏ ngay sau khi đã chiến thắng Cộng Sản. Họ lầm vì lý luận của họ khởi đi từ những tiền đề vật chất. Hệ thống ACL là những định chế căn bản của một chế độ dân chủ trực tiếp. Một khi những định chế này đã phát triển và nảy nở mạnh mẽ, chúng sẽ trở thành những hạt nhân của cơ cấu quốc gia và đến lúc đó vai trò của chính quyền trung ương sẽ không còn cần thiết nữa”*

(Maneli, tr.145)

Sau này, Đại Tá Ted Serong, Trưởng Phái Bộ Huấn Luyện Úc ở Việt Nam đã nói với các viên chức cao cấp Hoa Kỳ ở Washington rằng “Áp Chiến Lược là một thành công lớn lao nhất trong chiến tranh Việt Nam và chuyện này chưa được nói đến đúng mức” (M. Moyar, 2006, tr.107)

#### **b- Chủ Nghĩa Nhân Vị không được đồng minh Hoa Kỳ ủng hộ**

vì Chủ Nghĩa Nhân Vị của Tổng Thống Ngô đình Diệm tuy không hoàn toàn chống lại chủ nghĩa tư bản nhưng về mặt ý hệ không chịu rập khuôn theo mô hình dân chủ và kinh tế thị trường do Mỹ chủ xướng. Giáo Sư Sử Gia E. Miller và H. Fairbanks nhận định rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ trương đưa ra cái viễn kiến về công cuộc phát triển Việt Nam của riêng Ông, một con đường thứ ba nằm giữa hai chủ nghĩa cực đoan, Xã Hội và Tư Bản. Chính Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng long trọng xác định với dân chúng rằng Chủ Nghĩa Xã Hội và Tư Bản không thể đem lại độc lập tự do và hạnh phúc cho Việt Nam! Con đường mới, con đường Nhân Vị mới thực sự đem lại cho dân chúng Việt Nam một đời sống ấm no hạnh phúc thật sự. Chủ Nghĩa Nhân Vị không nhận được sự ủng hộ của người Mỹ cũng là điều dễ hiểu!

#### **c- Các thành phần đối lập và chống đối chính phủ đã xuyên tạc và chỉ trích chủ Nghĩa nhân Vị là một chủ thuyết của Công Giáo và ngoại lai, với mục tiêu làm chính phủ suy yếu bằng cách khơi động vấn đề chính trị nhạy cảm, kỳ thị tôn giáo. Trong cuốn “Is South Vietnam Viable?”, Ông Ngô đình Nhu viết:**

*“Hồi trước chiến tranh, lúc Ông Nhu theo học ở École des Charles đã có tiếp xúc với Emmanuel Mounier, người đã tỏ vẻ hoài nghi về lý thuyết dân chủ tự do Tây Phương và cổ võ một lý thuyết dân chủ xã hội dựa trên lòng bác ái và giá trị nhân bản, với cái tên là Personnalisme. Ông Nhu tỏ ra say mê học thuyết này và khi về Việt Nam đã thuyết phục Ông Diệm rằng **Personnalisme là một triết thuyết có thể đối đầu với chủ nghĩa Mac-xít nguyên thủy mà Việt Minh đang tuyên truyền ở Việt Nam**”*

Do đó Ông Thái cho rằng cái quan niệm nhân bản này và mối liên hệ của nó với xã hội mà Ông Nhu cổ võ, “chẳng có gì là mới mẻ và cái thuyết Nhân Vị cũng chẳng có gì xa lạ bởi vì trường phái triết học Pháp tong đó có Emmanuel Mounier và Jacques Maritain đã hết mình cổ võ cho nó trong tờ Nguyệt San Công Giáo L’Esprit do Mounier chủ trương: (tr.129-130)

## **2/ Minh định về chủ Nghĩa Nhân Vị và Personnalisme.**

Như đã trình bày ở phần 1, cả về nhận thức triết học đến giải pháp cải tổ xã hội của chủ Nghĩa Nhân Vị đều bắt nguồn từ văn hóa cổ truyền và Nho Giáo (Việt Nho). Không có gì dính líu đến Personnalisme của Mounier cũng như giáo lý Công Giáo. Lời phát biểu của Ông Ngô đình Nhu tại Đại Hội Văn Hóa Quốc Gia ngày 11 tháng 1 năm 1957 về Chủ Thuyết Nhân Vị cũng cho thấy những nhận định của Ông Nguyễn Thái không có cơ sở vững chắc. Ông Ngô Đình Nhu nói:

*“Chủ thuyết đặt nền tảng trên quan niệm tôn trọng phẩm giá con người và đẩy mạnh sự phát triển đến mức độ cao nhất. Quan niệm này chẳng phải của riêng một giống người nào, một quốc gia nào, hay một đảng phái nào mà là của mọi người. Ở Tây Phương, “Tinh thần của Phúc Âm” được xem như phương tiện để nhận thức về giá trị nhân bản của con người và tại Á Châu, những nguyên tắc tôn trọng con người nhân bản nằm trong Kinh Vệ Đà, Kinh Upanishads, trong sách Mạnh Tử, và ở ngay trong truyền thống dân gian Việt Nam”*

(12-1-1957, *Cách mạng Quốc Gia*)

Và khi trả lời Phóng Viên Báo Toronto Globe and Mail, hồi đầu năm 1963 và được in lại trong *Nguyệt San Gió Nam*, Ông Nhu đã xác định rõ ràng:

*“Tôi phải nói ngay rằng Chủ Thuyết Nhân Vị của tôi chẳng có dính dáng gì đến cái Nhân Vị Công Giáo hiện đang được giảng dạy bởi các tổ chức Công Giáo tại Miền Nam Việt Nam (Ông Nhu muốn ám chỉ Trung Tâm Huấn Luyện Nhân Vị Vĩnh Long do Giám Mục Ngô Đình Thục chủ trương). Đây không phải một lời chỉ trích, nhưng là lời xác định về một sự thật. Hiện nay cái học thuyết Nhân Vị mà tôi cổ võ là một nền dân chủ đấu tranh trong đó tự do không phải là món quà của Ông Già Noel, nhưng mà là kết quả của một cuộc chinh phục bền bỉ và sáng suốt trong đời sống thực tế, không phải trong một khung cảnh lý tưởng mà trong những điều kiện địa lý chính trị đã được định sẵn. chính cái quan niệm về tự do này đã khai mào cho toàn bộ chương trình Ấp Chiến Lược. Hệ thống Ấp Chiến Lược này sẽ làm thay đổi cơ cấu chính trị thượng tầng của chính phủ hiện tại. Điều này cũng phù hợp với tinh thần của Hiến Pháp, một Hiến Pháp đặt nền tảng trên các nguyên tắc tự do và sáng tạo. Chính vì vậy khi nói là tự do và sáng tạo tức là chúng ta mặc nhiên loại bỏ tất cả các hình thức chính quyền hiện hữu”*  
(5-5-1963, tr.68)

#### IV- Chủ Nghĩa Nhân Vị và Chính Nghĩa Quốc Gia

Trong suốt thời gian thử nghiệm 9 năm tại Miền Nam Việt Nam, Chủ Nghĩa Nhân Vị đã tỏ ra rất thực dụng và thuần nhất. Một số những ưu điểm nổi bật cần được nhắc lại một cách chi tiết hơn. Những người từ bỏ quê hương miền Bắc và mồ mả tổ tiên, chạy vào Miền Nam vĩ tuyến 17 chỉ để lánh nạn cộng sản tìm tự do. Trong khi đó những người Miền Nam không chấp nhận sự cai trị của đảng Cộng Sản Việt Nam đã tự nguyện ở lại Miền Nam để cùng với người Miền bắc di cư lập ra một quốc gia mới chống Cộng Sản. Như vậy chính nghĩa quốc gia của họ chính là “chống đảng Cộng Sản Việt Nam và Cộng Sản quốc tế và chống chủ Nghĩa Cộng Sản độc tài chuyên chế”. Chủ Nghĩa Nhân Vị là chủ thuyết tiêu biểu nhất đề cao nguyện vọng và lý tưởng cao cả này của họ.

Trên căn bản nhận thức triết học hai chủ nghĩa Nhân Vị và Cộng Sản hoàn toàn đối nghịch nhau.

- **Chủ Nghĩa Cộng Sản vì đặt bản trên ý hệ duy vật nên độc đoán không tưởng và không có “dụng”.** Nếu chẳng may người ta ép phải thi hành (cưỡng hành), thì phải bù bằng đủ thứ công an mật vụ để ép buộc, khủng bố mới có làm, vì cái làm đó không do từ trong phát ra, thường trái với bản tính con người, nên chỉ có làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc.
- Ngược lại, **Chủ Nghĩa Nhân Vị là hệ thống triết lý đặt trên Tâm Linh Thái Hòa** tức trên nhu yếu thâm sâu của con người tất nhiên có “dụng”, **khỏi cần phải thúc đẩy từ ngoài.** Vì thế Nhân Vị khác với Ý Hệ, nhất là bá vật, ở chỗ không “dùng mưu gian đạo đức” (vì đạo đức mà đánh lừa ‘pia fraus’, như như Cộng Sản Việt Nam đã làm với những chiêu bài như: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Lao động là vinh quang” v.v...)

Triết Gia Kim Định viết:

*“Bá vật dùng tràn ngập ‘pia fraus’ đã đành, cả đến triết lý nhiều khi cũng không ché, thí dụ như ông tổ triết Tây Plato cũng dùng bộn. Còn Cộng sản thì khỏi nói: luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm thêm khủng bố (cưỡng hành), vì ý hệ là triết học xây trên ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như ‘pia fraus’.”*  
(tr.173)

Một thí dụ sau đây sẽ làm sáng tỏ thêm bản chất đối nghịch giữa hai triết thuyết này.

- Cộng sản chủ trương muốn giải phóng con người khỏi ách nô lệ, không những phải **đánh đuổi thực dân, đấu tranh giai cấp mà còn phải tiêu diệt cả tôn giáo.** Vì tôn giáo là liều thuốc phiện duy trì cái liên hệ “giữa chủ và tớ”. Để thực hành họ đã dùng guồng máy công an cảnh sát, ngăn cản và tiêu diệt mọi sinh hoạt tôn giáo.
- Trong khi đó Miền Nam , người quốc gia tự do hành đạo vì Nhân Vị chủ trương “Trời – Người – Đất” là ba quyền lực lớn nhất trong vũ trụ và liên hệ ngang. Con người phải được giải phóng mà chẳng cần phải tiêu diệt tôn giáo. Người quốc gia phủ nhận ý hệ Cộng Sản “liên hệ chủ tớ giữa trời và người”.

- Thay vì giải phóng con người khỏi nô lệ “Trời” thì Chủ Nghĩa Xã Hội lại đưa con người vào vòng nô lệ “Đất” hay vật chất. Người cộng sản coi con người chỉ là cái máy làm ra của cải nên họ đưa ra chính sách làm theo chỉ tiêu và hưởng theo nhu cầu.
- Ngược lại Chủ Nghĩa Nhân Vị chủ trương tôn trọng phẩm giá con người và phát triển nó đến mức độ cao nhất. Cho nên thay vì thiết lập ra hợp tác xã sản xuất để **bắt con người làm thay cho con vật** như ngoài miền Bắc, thì Chính Quyền Nhân Vị chủ trương xây dựng ACL trong đó “mỗi gia đình vô sản đều có một nóc nhà và một miếng đất sinh hoa lợi đủ sống, tức là trang bị cho người dân một đảm bảo thực sự cho tự do cá nhân và thói quen tham gia việc chung [sinh hoạt dân chủ]”.

Ngoài lý tưởng tự do no ấm, bản chất dân tộc của Chủ Nghĩa Nhân Vị còn nêu cao ngọn cờ chính nghĩa quốc gia, lý tưởng độc lập và chủ quyền quốc gia. Ngược lại dân chúng miền Bắc đã bị bắt buộc phải tôn thờ một chủ nghĩa ngoại lai, Mác-xít Lê-nin-nít”, chịu lệ thuộc vào Nga, Tàu.

## V – Chủ Nghĩa Nhân Vị và Khung Cảnh Xã Hội Việt Nam

Một ưu điểm nữa của Nhân Vị chính là giải pháp dân chủ hóa của nó rất phù hợp với đời sống của dân chúng và khung cảnh xã hội của miền Nam Việt Nam lúc vừa dành độc lập từ tay người Pháp. **Lý tưởng thái hòa nền tảng của Chủ Nghĩa Nhân Vị** cho phép các lãnh đạo rút tĩa kinh nghiệm xây dựng dân chủ của các nước đàn anh đi trước cũng như đúc kết một mô hình tổng hợp các ưu điểm về phương diện cơ cấu của các mô hình dân chủ có sẵn với nền dân chủ cổ truyền Việt nam. Hệ thống đạo đức cổ truyền Việt Nho và những giá trị tâm linh được đề cao trong Chủ Nghĩa Nhân Vị là sức mạnh nền tảng để tinh thần dân chủ nảy nở và mau chóng phát triển.

Cá cần phải có nước mới sống được. Nhưng cá nước ngọt không sống được trong nước mặn. Vì thế, văn hóa đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành một lối sống, một nền dân chủ. Theo Sử Gia William Durant, hơn **4,000 năm trước bộ tộc Việt đã có “một nền văn minh nông nghiệp gọi là Việt Nho, có một hệ thống đạo đức rất hữu hiệu, chưa từng thấy xuất hiện trong các nền văn minh khác”** (1950, Q.1, tr.640). với những giá trị dân chủ như: **“dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”** và **“dân chúng có quyền giết cả vua, nếu vua độc ác bỏ đạo”** (mạnh Tử. Tục ngữ Việt Nam cũng có câu: **“Phép vua thua lệ làng”**). Đây là tinh thần, là những giá trị dân chủ mà Ông Diệm muốn xây dựng lại. Theo Ông Diệm, **“Dân chủ là một chế độ đạo đức, rộng trong nhân dân và trong chính quyền”**. Chế độ đạo đức ấy tóm gọn trong chữ “nhân” mà theo Khổng Tử, **chỉ khi nào con người “khắc được kỷ, phục được lễ” thì “nhân” mới thành.**

Đứng về mặt cơ cấu, ở dưới hạ tầng cơ sở, Chính Phủ Nhân Vị đã mô phỏng Quốc Sách Ấp Chiến Lược theo hệ thống làng xã cổ truyền Việt Nam và trên thượng tầng là một tổ chức chính phủ cộng hòa theo tổng thống chế kiểu Hoa Kỳ.

Hệ thống làng xã cổ truyền Việt Nam, theo Giáo Sư Nguyễn Đăng Thục thuộc Viện Đại Học Sài Gòn thì cái hệ thống làng xã tự trị này cũng là hình thức dân chủ rất phổ biến trong các quốc gia Á Châu và đặc biệt tại Việt Nam. Đây là một **định chế dân chủ độc đáo, gọi là làng hay xã**, nó mang những nhân tố xã hội rất sơ khai, tồn tại và nổi trôi với những thăng trầm của giòng lịch sử đã hơn 4 ngàn năm. Giáo Sư Thục lập luận rằng:

*“Nếu chúng ta định nghĩa dân chủ là một hệ thống chính phủ do dân bầu ra để phục vụ quyền lợi của người dân và trong hệ thống chính quyền này, quyền lực nằm ở trong tay của dân chúng, thì chế độ làng hay xã, như hệ thống làng xã cổ của Việt Nam, quả thật là một chế độ dân chủ đặc biệt. Điều độc đáo nhất của cái nền dân chủ sơ khai này chính là chỗ tự nó hình thành, mang bản chất tự trị, rồi lại tự nó thích nghi với một hệ thống trung ương chuyên chế của chế độ quân chủ Á Đông. Cho nên có thể nói quốc gia Việt Nam giống như một hệ thống chính quyền liên bang ....*

*Tổ chức xã hội và chính trị của Việt Nam gồm có hai hệ thống đối lập nhau và chồng lên nhau. Ở dưới hạ tầng là một nền dân chủ đại nghị, tự trị và đại chúng; ở trên thượng tầng là một nền quân chủ chuyên chế, tập trung quyền lực bằng một hệ thống quan lại. Hai định chế này tuy khác nhau trên căn bản nhưng lại cùng tồn tại qua bao nhiêu thế kỷ với biết bao nhiêu biến đổi của lịch sử, trong lúc hòa bình thịnh vượng cũng như trong nội chiến và ngoại xâm*

(1958, tr.7-8).

Ông Diệm cũng xác nhận với Sử Gia Marguerette Higgins:

*“Chúng tôi có một nền dân chủ truyền thống và một hệ thống làng xã tự trị. Đó chính là một phần của truyền thống Nho giáo với những phong tục tập quán và các bổ phận của con người trong xã hội. Tất cả những phong tục tập quán này không phải là những luật lệ thành văn nhưng được truyền lại từ đời này qua đời khác bằng nghi lễ gia tiên hay đạo thờ Ông Bà. Chúng tôi chủ trương tìm lại những cội nguồn này để tái thiết xứ sở chúng tôi”*

(Higgins, tr.166)

Tóm lại, cái lối sống hay cái sinh hoạt dân chủ của Chủ Nghĩa Nhân Vị muốn mang lại cho dân chúng Miền Nam Việt Nam chính là những nét văn hóa truyền thống Việt Nam mà họ hằng yêu mến tôn trọng. Đây là một lối sống nhân bản phong lưu, trọng nhân nghĩa hơn là lý lẽ, và trân quý các giá trị cộng đồng. Vì thế họ hằng hái tự nguyện xây dựng và bảo vệ nó. Đúng như triết gia Kim Định giải thích, vì những giá trị dân chủ này đã xuất phát từ nhu yếu thâm sâu của con người, tất nhiên có “dụng”, không cần thúc đẩy từ bên ngoài. Đây chính là ưu điểm của giải pháp Nhân Vị khi đem so sánh với các giải pháp dân chủ hóa khác.

Nói đến Chủ Nghĩa Nhân Vị mà không nói người khai sinh ra nó, người lãnh đạo và đích thân chọn lựa giải pháp và thử nghiệm nó, thì quả là một thiếu sót. Nhất là quan niệm cho rằng “dân chủ” chỉ phát triển nếu quan niệm thiện ích chung mỗi ngày một ăn sâu rộng trong dân chúng và trong chính quyền. Có nghĩa là giải pháp dân chủ hóa thành công hay không phần lớn nhờ vào “quan niệm thiện ích chung” của người lãnh đạo có “sâu rộng” hay không. Người lãnh đạo phải là người làm gương dẫn đường. Bản thân Ông Ngô Đình Diệm là một người nổi tiếng về đạo đức và khí tiết chính trị (Quách Tòng Đức & Lâm Lễ Trinh 2005). Đây chính là ưu điểm nổi bật của Giải Pháp Dân Chủ Hóa Việt Nam của Nhân Vị.

Ngoài “quan niệm thiện ích chung” mà người lãnh đạo cần phải có, viễn kiến về chiến lược thực hiện dân chủ cũng vô cùng quan trọng. Anh em Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã chọn giải pháp “cơm no áo ấm”. Một trong những mục tiêu của Quốc Sách Ấp Chiến Lược là

*“Xây dựng tại nông thôn một vùng thịnh vượng với kinh tế cơ bản, mỗi gia đình vô sản đều có một nóc nhà và một miếng đất sinh hoa lợi đủ sống, tức là đã trang bị cho đại đa số dân chúng một bảo đảm thực sự cho tự do cá nhân và thói quen tham gia việc chung”*

Nói một cách đơn giản là nếu chính quyền có thể đem đến cho đại đa số dân chúng những nhu cầu vật chất căn bản hằng ngày (cơm no áo ấm) tức là đã đem tự do dân chủ cho họ rồi. Tục ngữ Việt Nam có câu “Có thực mới vực được đạo”, có nghĩa là khi bụng đói thì còn hơi sức đâu mà nghĩ đến đạo nghĩa! Hay là “Phú quý sinh lễ nghĩa”, nghĩa là có của cải rồi mới học làm sang, cũng có nghĩa là nếu tối ngày lo kiếm sống thì làm gì còn có thì giờ để nghĩ đến văn chương nghệ thuật, đến giá trị tự do dân chủ v.v... Tóm lại đây là một sự lựa chọn đúng đắn và là một quy luật chung trong thiên hạ. Người Roma nói: “Primo vivere, deinde philosophare”.

Đã có lần Giáo Sư Tôn Thất Thiện viết:

*“Ta không nên quên rằng Đức Phật Thích Ca, sau một thời gian sống không thiết đến ăn uống, bị ngứa xỉu và sau đó, Ngài đã nhận thấy sự cần thiết nuôi dưỡng cơ thể nếu muốn có sức để tìm Đạo” (2005)*

Nhưng tại sao vấn đề “Xóa đói giảm nghèo” đã được thế giới chú trọng đến từ lâu nay vẫn không thực hiện được? Giải pháp “Dân Chủ với Kinh Tế Thị Trường Tự Do” phát triển Thế Giới Thứ Ba của Liên Hiệp Quốc vào thập niên 1950s bị thất bại.

Vào thập niên 1980s, Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (International Monetary Fund – IMF) đã đứng ra vận động phát triển dân chủ với giải pháp “Basic Needs Approach” (Thực hiện các nhu cầu căn bản) cũng chẳng đi đến đâu. Nhiều hội nghị quốc tế về xóa đói giảm nghèo được World Bank đứng ra triệu tập và trở ngại và trở ngại nhất vẫn là hai vấn đề “Delivery on the ground” (Làm thế nào đưa đến tận tay người nghèo) và “Targeting” (Làm thế nào chọn đúng khu vực, nơi cần giúp đỡ), vì nạn tham nhũng gây ra! Những người có trách nhiệm, từ các tổ chức quốc tế đến chính quyền địa phương, đã không làm tròn trách nhiệm vì chưa “*khắc được kỷ và phục được lễ*”!

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm chỉ 2 năm trời ngắn ngủi miền quê Nam Việt Nam đã có một đời sống ấm no. Chính Phủ Ông Diệm đã chọn “giải pháp no cơm ấm áo” cho 95% dân chúng ở thôn quê làm chiến lược phát triển quốc gia, với quyết tâm của Ông giải quyết cho bằng được hai trở ngại “Delivery” và

“Targeting” qua công cuộc cải cách điền địa và thực hiện vấn đề “Tái phân phối lợi tức quốc gia” với khẩu hiệu “cá nhân và cộng đồng đồng tiến”. Cho nên Chính Phủ của Ông Diệm được tổ chức dưới hình thức một **chính phủ của phúc lợi (good’ government)**, vì trong “no cơm ấm áo” đã có sẵn mần mống của “dân chủ tự do” (Phú quý sinh lễ nghĩa). Sự thành công này là do bản thân Ông Ngô Đình Diệm đã khắc được kỷ phục được lễ, làm gương cho quần chúng. Ông đã chọn con đường hy sinh để bênh vực giá trị con người “Khi sự thể đảo đầu, phải xem NHÂN hơn sự sống, nên có lúc giết cái thân mình, để vì nó mà thành được đức nhân!”.

Khổng Tử thật chính xác khi gọi những người này là **“chí sĩ”**.

Đại Sứ Mỹ F. Nolthing viết một lá thư cho Sứ Gia M. Higgins, biểu lộ lòng cảm phục của ông đối với một quân tử Nho Giáo:

*“Tôi chẳng biết một quan lại Nho Giáo là cái quái gì, nhưng nếu Ông Diệm là một Nho quan, tôi cũng muốn giống Ông ta. Trong hơn hai năm rưỡi làm việc và quan sát kỹ lưỡng Ông ta, tôi thấy Ông ta quả là nhà lãnh đạo **đầy thiện tâm, chính trực, lại rất can trường, và được tôn kính**. Mặc dầu tôi đã mất rất nhiều thì giờ và gặp phải rất nhiều khó khăn mỗi khi phải thương lượng với Ông ta, nhưng lúc nào tôi cũng kính trọng và khâm phục cái tính nhẫn nại cương quyết của Ông ta lúc phải theo đuổi một mục đích nào đó. Tôi cũng rất ngạc nhiên về con người quân tử và lòng nhân ái của Ông ấy. Ông ấy thường dành ra một ngày rưỡi để nghỉ lễ Giáng Sinh và đó cũng là ngày nghỉ duy nhất của Ông ấy trong năm, đi đến những tiền đồn xa xôi nhất để ăn mừng Lễ Giáng sinh với các binh sĩ ở đó”*

(1962, tr.162)

## **VI- Chủ Nghĩa Nhân Vị và Vấn Đề Chính của Việt Nam Hiện Nay.**

Việt Nam nay đã hòa bình và đi vào phát triển đã gần 20 năm rồi. Nhưng dân chúng vẫn còn đói khổ, vẫn chưa được hưởng những quyền tự do căn bản. Hiện nay Chủ Nghĩa xã hội đã lỗi thời, việc tìm kiếm một mô hình dân chủ hữu hiệu để thay thế, là một nhu cầu cấp thiết.

Từ ngày Ông Ngô đình Diệm chết (1963) đến nay các nhà lãnh đạo cũng như trí thức Việt Nam nói chung vẫn còn *tiếp tục tìm kiếm câu trả lời cho một tiến trình dân chủ kinh tế nhằm giải quyết cơn khủng hoảng* có thể đưa đến sự hưng vong của toàn thể dân tộc. Đặc biệt trong những ngày tháng gần đây, trong và ngoài nước, các nhà trí thức và lý thuyết gia đóng góp ý kiến càng ngày càng đông đảo. Tiêu biểu như Tiến sĩ Phan Đình diệu, Tiến Sĩ Nguyễn Xuân Tụ (Hà Sĩ Phu) Tiến Sĩ Lê đăng Doanh, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Nghĩa v.v...

Trong buổi nói chuyện tại Ủy Ban Tổ Chức Trung Ương ĐCSVN vào ngày 2 tháng 11 năm 2004, TS Phan Đình diệu lên tiếng kêu gọi đổi mới tư duy. Ông cho rằng **“Mô hình chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học đã bị thực tiễn bác bỏ”**. Theo TS Diệu, nếu ĐCSVN vẫn còn tiếp tục duy trì “định hướng XHCN kiểu Mác Lê” thì Việt Nam vẫn còn tiếp tục bị bế tắc trong cơn khủng hoảng hiện tại”. TS Diệu đồng thời ca ngợi mô hình Xã Hội Dân Chủ” (XHDC) tại các nước Bắc Âu là “Chủ Nghĩa Xã Hội của Thế Kỷ 21” với mục tiêu “tự do, công bằng, đoàn kết, chắc chắn sẽ có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nhân loại, rất đáng được chúng ta quan tâm”

Thật ra cái mô hình “XHDC” tại các nước Bắc Âu như Phần Lan, Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển, đã và đang được các chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước cổ vũ như một mô hình thích hợp để thay thế mô hình “Kinh Tế Thị Trường theo định hướng Xã Hội Chủ Nghĩa” nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng xã hội Việt Nam hiện nay. TS Nguyễn xuân Tụ (Hà Sĩ Phu) nhận xét rằng:

*“Phương án xã hội dân chủ là phương án trung dung. Tuy trung dung nhưng vẫn đòi hỏi sự dũng cảm và thật lòng, chứ không dùng mẹo được. Cha Ông chúng ta bảo “Thật thà là cha quý quái”. Kinh tế thị trường theo định hướng dân chủ thế thôi, dân chấp nhận ngay, vì như thế cũng chính là dân chủ đa nguyên pháp trị”*.

Và một chuyên gia kinh tế, TS Nguyễn Xuân Nghĩa cũng nghĩ rằng ĐCSVN phải thay đổi tư duy và cơ cấu. Phải chấp nhận Kinh Tế Thị Trường với Định Hướng Dân Chủ. Như về kinh tế phải để tự do kinh tế từ dưới bùng lên, giải phóng người dân, tự do sinh hoạt không hạn chế, đối xử công bằng giữa các địa phương. Về chính trị, nhà nước phải giảm bớt sự can thiệp vào guồng máy kinh tế nhưng tăng cường chức năng là luật và thi hành luật và chấm dứt độc quyền cai trị. (RFA, 6-7-05)

Nội dung trong mô hình “Xã Hội Dân Chủ” tại các nước Bắc Âu mà các trí thức và chuyên gia Việt Nam đang cố vẽ, có thấp thoáng kèm theo hình ảnh con người có “tình và chí” như “dũng cảm”, “thật lòng”, “đoàn kết”, “trách nhiệm”, “trong sáng”, vân vân ... Nhưng theo Ông Hà Sĩ Phu thì

*“Đoàn kết là tập hợp những yếu tố khác nhau, các yếu tố đó muốn gia nhập khối đoàn kết chung, thì anh nào cũng phải khoan dung. Đảng khoan dung cho những người khác Đảng, và những người khác Đảng cũng phải khoan dung với Đảng. Chứ đây không phải là sự khoan dung của người trên với người dưới, của kẻ cầm quyền đối với người không có quyền. Nghĩa là cùng bình đẳng mà khoan dung cho nhau, chứ không có chuyện Đảng thống soái hết rồi mở lòng ban sự khoan dung cho người này người nọ như vua chúa phong kiến*

(RFI, 2005).

Như vậy, liệu khi đưa vào Việt Nam thì cái hình ảnh con người có “tình và chí” còn hiện diện trong mô hình XHDC này hay không? Nếu không còn, thì mô hình này lại chỉ là mớ lý thuyết suông giống như các mô hình khác, đặc biệt như **Hiến Pháp 1992 của Việt Nam hiện giờ, chỉ là một mảnh giấy không hồn.**

**Điều 69** Hiến Pháp quy định

*“công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo qui định của pháp luật”.*

Trên thực tế, chính quyền Việt Nam **đã vi phạm trầm trọng điều 69 của Hiến Pháp bằng điều 4 của Hiến Pháp, do chính họ soạn thảo và ban hành.**

Là một lý thuyết suông, “Xã Hội Dân Chủ” Bắc Âu cũng lại giống như “Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa”, thiếu “tình và chí” nên không có khả năng huy động được những nghị lực thâm sâu của con người. Và vì muốn “cường hành”, như triết gia Kim Định đã nói, lại **phải dùng đến “mưu gian đạo đức” như lời hứa cuối, kèm thêm khùng bố như TS Nguyễn Xuân Tụ vừa trình bày.** Tóm lại, đúng như Chủ Nghĩa Nhân Vị chủ trương, con người nằm trong cơ cấu mới là nguyên nhân cốt cán. Chuyển đổi cơ cấu chỉ là chữa bệnh ngoài da.

Để chứng minh, sử gia, ĐCSVN cứ giữ nguyên mô hình “Kinh Tế Thị Trường theo Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa” nhưng hãy đưa ra một thành phần lãnh đạo *thực sự* “dũng cảm, thật lòng, đoàn kết, trách nhiệm, trong sáng, vân vân...” để làm gương dẫn dắt quần chúng. Trong trường hợp những người lãnh đạo không đủ nghị lực và can đảm của những con người đã tu thân để thực hành các đức tính này, thì hãy nhờ tới nhân dân và cơ quan truyền thông tiếp sức, bằng cách cho họ **quyền TỰ DO thực sự** qui định trong điều 69 Hiến Pháp, để phê phán, khuyến khích và can ngăn lãnh đạo đừng làm việc hại dân hại nước. Dư thừa như vậy, tôi tin rằng chỉ trong một thời gian ngắn, mô hình “Định Hướng XHCN” mà Đảng chọn, sẽ không thua mô hình “Xã Hội Dân Chủ” Bắc Âu. Nếu đúng, thì cái giải pháp con người Bắc Âu này cũng giống giải pháp Nhân Vị mà Ông Diệm và Ông Nhu đã cố vẽ hồi giữa thế kỷ 20, là mô hình “Xã Hội Dân Chủ Nhân Vị” với những sắc thái đặc biệt của nền văn hóa cổ truyền Việt Nam, là “một chính quyền của Phúc Lợi” (Good Government) đã được thử nghiệm ở Miền Nam Việt Nam từ 1954-1963: kinh tế thị trường với sự can thiệp mềm dẻo của một chính phủ phúc lợi, thực hiện công bằng xã hội và dân chủ thực sự ở hạ tầng cơ sở với định hướng dân chủ trên thượng tầng cấu trúc. Trọng điểm của chiến lược dân chủ hóa Nhân Vị là từ dưới bung lên như TS Nguyễn Xuân Nghĩa vừa trình bày.

Tuy nhiên, Ông Diệm nhấn mạnh rằng mô hình này hữu hiệu là vì được xây dựng trên những giá trị độc đáo của Văn Hóa:

- (a) “nó được dung hòa với thực tại” và
- (b) “quan niệm thiện ích chung được những người trong chính quyền và ngoài dân chúng thực sự tôn trọng”.

Trong cuốn sách *Democracy and Culture*, lý thuyết gia về Dân Chủ David Easton cũng viết:

*“Muốn hiểu rõ được cái mức thực dụng và hữu hiệu của một hệ thống chính trị, chúng ta cần phải nhìn nhận một sự thật hiển nhiên, đó là, tất cả những gì xảy ra trong nội bộ của guồng máy chính trị đều do nỗ lực của những người nằm trong guồng máy đó, đương đầu với hoàn thực tại đang thay đổi”.* Much light can be shed on the working of a political system if we take into account the fact that much of what

*happens within a system has its birth in effort of the members of a system to cope with the changing environment*" (1990).

Như vậy Ông Ngô Đình Diệm và David Easton đều có cái nhìn giống nhau về những vấn đề mà các chuyên gia và trí thức Việt Nam đang tranh cãi. Câu trả lời: **mức độ hữu hiệu của một mô hình chính trị không phải là do CƠ CẤU mà là do CON NGƯỜI ở trong cơ cấu ấy.**

## VII – Kết Luận.

Chủ Nghĩa Nhân Vị được xây dựng trên căn bản Tâm Linh: đức nhân và lý tưởng Thái Hòa của Việt Nho. Đứng trên mặt triết học nhận thức, nó nhận diện và đề cao giá trị và vị trí của con người. Là một chủ thuyết chính trị, nó chủ trương phát triển giá trị và vị trí này đến mức cao nhất; chính quyền có bổ phận tạo điều kiện thuận lợi và làm gương để hướng dẫn dân chúng (cá nhân và cộng đồng) đạt đến mục tiêu này. Vì thế, Chủ Nghĩa Nhân Vị khác hẳn với khuynh hướng duy tâm của Tây Phương và đối đầu với Duy Vật của Karl Marx, là lý thuyết suông không thức dụng và khoa học (Nguyễn Xuân Hồng 1956, tr.98).

Dựa trên lý tưởng Thái Hòa, Ông Diệm đã đưa ra một mô hình mới lạ mà Ông gọi là “con đường của tiến bộ”. Đó là một tổng hợp của những giá trị tốt đẹp nhất của Âu Tây và Á Đông: trên thượng tầng cấu trúc quốc gia là một chế độ dân chủ pháp trị kiểu Tây Phương được điều hòa để phù hợp với thực tại của đất nước bằng một bản hiến pháp dự trù dành cho hành pháp nhiều quyền lực cần thiết. Ở hạ tầng cơ sở là một nền dân chủ thật sự, với một hệ thống áp Chiến Lược mô phỏng theo hình thức làng xã cổ truyền Việt Nam và tiến dần đến tự trị về mọi mặt.

Hoài bão của hai người khai sinh ra chủ Nghĩa Nhân Vị là muốn chuẩn bị để mở đường đưa xã hội Việt Nam tiến vào kỷ nguyên hậu kỹ nghệ qua việc tái trang bị cho mỗi con người Việt Nam một đời sống đạo đức, để xây dựng lại và phát triển nguồn vốn xã hội đã bị phá sản sau những năm dài đô hộ của Tàu, Tây, và nhất là hậu quả “đào tận gốc, tróc tận rễ” do XHCN của người Việt Nam Cộng Sản để lại.

Chủ Nghĩa Nhân Vị muốn dẫn đường đưa con người Việt Nam trở về mái nhà thân quen của họ, đó là cái xã hội có một hệ thống đạo đức rất hữu hiệu, một cuộc sống phong lưu nhàn tản, là di sản văn hóa vĩnh cửu của người Việt Nam.